

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 19/12/2017 của Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Long An theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khóa XII”;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 10 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị quyết số 158/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh về quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố và lực lượng công an bán vũ trang ở các xã biên giới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 748/TTr-SNV ngày 21/9/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng,

một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An:

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã:

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã), cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã loại I: bố trí không quá 25 người

1.1. Cán bộ cấp xã gồm:

- a) Bí thư Đảng ủy;
- b) Phó Bí thư Đảng ủy;
- c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách khối kinh tế;
- g) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách khối văn hóa - xã hội;
- h) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- l) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- m) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- n) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);
- o) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

1.2. Công chức cấp xã gồm:

- a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;
- b) Trưởng Công an;
- c) Văn phòng - Thống kê;
- d) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (nếu phường, thị trấn thì Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường);
- đ) Tài chính - Kế toán;
- e) Tư pháp - Hộ tịch làm công tác đăng ký hộ tịch, chứng thực;
- g) Văn hóa - Xã hội.

1.3. Công chức tăng thêm:

- a) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (nếu phường, thị trấn thì Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường);

b) Tư pháp - Hộ tịch thực hiện công tác phối hợp thi hành án và đảm nhiệm Phó Trưởng Công an;

c) Tư pháp - Hộ tịch thực hiện công tác quản lý tư pháp;

d) Văn hóa - Xã hội thực hiện công tác lao động, thương binh và xã hội;

đ) Văn hóa - Xã hội thực hiện công tác phối hợp tổ chức, theo dõi các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch và đảm nhiệm Phó Chỉ huy Phó Ban Chỉ huy quân sự;

e) Văn phòng - Thống kê thực hiện công tác phối hợp xây dựng chương trình công tác định kỳ của UBND và đảm nhiệm Văn phòng cấp ủy.

2. Đối với cấp xã loại II: được bố trí không quá 23 người

2.1. Cán bộ cấp xã gồm:

a) Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

b) Phó Bí thư Đảng ủy;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

e) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

g) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

h) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

l) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);

m) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2.2. Công chức cấp xã gồm:

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

b) Trưởng Công an;

c) Văn phòng - Thống kê;

d) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (nếu phường, thị trấn thì Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường);

đ) Tài chính - Kế toán;

e) Tư pháp - Hộ tịch làm công tác đăng ký hộ tịch, chứng thực;

g) Văn hóa - Xã hội.

2.3. Công chức tăng thêm:

a) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (nếu phường, thị trấn thì Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường);

b) Tư pháp - Hộ tịch thực hiện công tác phối hợp thi hành án và đảm nhiệm Phó Trưởng Công an;

c) Tư pháp - Hộ tịch thực hiện công tác quản lý tư pháp;

d) Văn hóa - Xã hội thực hiện công tác lao động, thương binh và xã hội;

đ) Văn hóa - Xã hội thực hiện công tác phối hợp tổ chức, theo dõi các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch và đảm nhiệm Chỉ huy Phó Ban Chỉ huy quân sự;

e) Văn phòng - Thống kê thực hiện công tác phối hợp xây dựng chương trình công tác định kỳ của UBND và đảm nhiệm Văn phòng cấp ủy.

3. Đối với cấp xã loại III: được bố trí không quá 21 người

3.1. Cán bộ cấp xã gồm:

a) Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

b) Phó Bí thư Đảng ủy;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

e) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

g) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

h) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

l) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);

m) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

3.2. Công chức cấp xã gồm:

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

b) Trưởng Công an;

c) Văn phòng - Thống kê;

d) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (nếu phường, thị trấn thì Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường);

đ) Tài chính - Kế toán;

e) Tư pháp - Hộ tịch làm công tác đăng ký hộ tịch, chứng thực;

g) Văn hóa - Xã hội.

2.3. Công chức tăng thêm:

a) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (nếu phường, thị trấn thì Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường);

b) Tư pháp - Hộ tịch thực hiện công tác phối hợp thi hành án và đảm nhiệm Phó Trưởng Công an;

c) Văn hóa - Xã hội thực hiện công tác lao động, thương binh và xã hội;

d) Văn hóa - Xã hội thực hiện công tác phối hợp tổ chức, theo dõi các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch và đảm nhiệm Chỉ huy trưởng Phó Chỉ huy quân sự;

4. Các quy định khác:

4.1 Các xã, phường, thị trấn nếu có Trưởng, Phó Trưởng công an được ngành dọc tăng cường thì không bố trí công chức tăng thêm cho đủ biên chế.

4.2 Lĩnh vực chuyên môn nào đã có công chức cấp xã kiêm nhiệm thì không bố trí người hoạt động không chuyên trách ở lĩnh vực chuyên môn đó.

4.3 Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của từng xã, phường, thị trấn không nhất thiết bố trí cán bộ, công chức theo số lượng tối đa như trên mà có thể bố trí kiêm nhiệm để tiết kiệm biên chế, cụ thể như sau:

a) Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

b) Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

c) Đối với cấp xã loại 2, loại 3, nếu thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND thì có thể bố trí chức danh Chủ tịch HĐND chuyên trách hoặc do chức danh khác kiêm nhiệm đảm bảo không vượt quá số lượng quy định.

4.4. Những chức danh công chức được tăng thêm người đảm nhiệm, khi ghi hồ sơ lý lịch và số bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cần thống nhất theo đúng tên gọi của chức danh công chức mà Luật cán bộ, công chức và Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định.

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2.1. Khoản 2, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cán bộ cấp xã công tác trước ngày 31/10/2012 nhưng sau ngày 31/10/2012 mới có bằng tốt nghiệp lý luận chính trị hoặc cán bộ cấp xã công tác sau ngày 31/10/2012 có bằng tốt nghiệp lý luận chính trị thì các văn bằng về lý luận chính trị (Cao cấp lý luận chính trị, Cao cấp lý luận chính trị - hành chính, Trung cấp chính trị, Trung cấp chính trị - hành chính và các văn bằng được công nhận tương đương) không được xem là bằng chuyên ngành để xếp ngạch, bậc lương.”

2.2 Khoản 4 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Cán bộ, công chức cấp xã đã được xếp lương theo một trong các ngạch công chức hành chính, nếu sau đó có thay đổi về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo thì kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp được xếp lương theo trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ mới (không qua thi chuyển ngạch). Thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở ngạch mới thực hiện theo Khoản 1, Mục II Thông tư số

02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.”

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/10/2018.

Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của UBND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục KTVBQPPL Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Cần